TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC **Tỉnh Thanh Hóa**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **11**/2021/QĐST-DS	*Hậu Lộc, ngày 20 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 94/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Tòa nhà C, Số 109 T, phường C, Quận H, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ:Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tiến D - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số 01A , Đại Lộc L, phường Đ, TP Thanh Hóa.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Minh H – Chức vụ: Giám đốc PGD L – Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Thanh Hóa.

(Theo Quyết định ủy quyền số 28/2020/QĐ-LienVietPostBank.CNTH ngày 20/4/2020).

Địa chỉ: Số 66, Khu 4, Thị Trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hoá

Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1964

Bà Trần Thị T, sinh năm 1963

Đều có địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện L, Thanh Hoá.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 12/01/2021 ông Lê Văn N và bà Trần Thị T còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng số tiền gốc là 150.080.000 đồng, lãi trong hạn 1.013.040 đồng. Tổng 151.093.040 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu không trăm chín ba nghìn không trăm bốn mươi đồng).

2.2. Về thời hạn trả nợ: Chia làm các kỳ trả như sau:

- Kỳ 1: Từ nay đến hết ngày 23/01/2021 ông N, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

- Kỳ 2: Ngày 24/01/2021 đến hết ngày 23/02/2021 ông N, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

- Kỳ 3: Ngày 24/02/2021 đến hết ngày 23/3/2021 ông N, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

- Kỳ 4: Ngày 24/3/2021 đến hết ngày 23/4/2021 ông N, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

- Kỳ 5: Ngày 24/4/2021 đến hết ngày 23/5/2021 ông N, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

- Kỳ 6: Ngày 24/5/2021 đến hết ngày 23/6/2021 ông N, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc 55.080.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận (ngày 13/01/2021) ông N bà T còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng cho vay hạn mức số: HĐTD4232017282 ngày 11/10/2017 tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nếu ông N, bà T vi phạm bất kỳ lần trả nợ nào mà ông N, bà T đã cam kết thì Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án thi hành toàn bộ khoản nợ còn lại.

Trường hợp ông Lê Văn N và bà Trần Thị T không trả nợ toàn bộ số tiền đã thỏa thuận trên và kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà

bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP B và các khoản chi phí phát sinh.

Tài sản thế chấp của ông Lê Văn N và bà Trần Thị T theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 06/01/2021 gồm:

- Quyền sử dụng đất: Số CI574604; số vào sổ cấp GCN: CH01804 do UBND huyện Hậu Lộc cấp ngày 02/10/2017 cho ông Lê Văn N và bà Trần Thị T ở thôn T (nay là thôn K), xã H, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Tại thửa số 235, tờ bản đồ số 8 với diện tích 365 $m^{2,}$. Qua đo đạc có tứ cạnh như sau:

Phía Nam giáp hộ bà Lê Thị P thửa số 234, có chiều dài 11.45m, giáp hộ ông Hoàng Văn T thửa số 257 có chiều dài 10.95m; phía Bắc giáp hộ ông Lê Văn C thửa số 211 có chiều dài 21.44m; phía Đông giáp giáp hộ bà Trần Thị C thửa số 212 có chiều rộng 15.27m, giáp hộ ông Lê Văn Ng có chiều rộng 8.01m; phía Tây giáp hộ bà Nguyễn Thị C thửa số 233 có chiều rộng 7.19m, giáp hộ bà Lê Thị P thửa số 234 có chiều rộng 7.01m.

- Về nhà ở: 01 nhà ở 02 tầng hướng đông khung chịu lực BTCT. Diện tích xây dựng 70m^2, diện tích sàn 140 m^2, xây dựng năm 2011 và 01 nhà ở bốn gian hướng Nam cấp bốn, diện tích xây dựng 60$m^{2.}$

Nếu tài sản thế chấp kê biên phát mại không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Lê Văn N và bà Trần Thị T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ bằng các tài sản khác của ông Ngư và Thùy cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng.

Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 282/2017/HĐTC/PGDHAULOC ngày 11/10/2017 được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Dân, số công chứng 2289 quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD.

4. Về án phí: Ông Lê Văn N và bà Trần Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.777.000 đồng (Ba triệu bảy trăm bảy bảy nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.340.000 đồng *(Bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0008137 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

5. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hoá*
- *VKSND huyện Hậu Lộc;*
- *Chi cục THADS Hậu Lộc;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Cao Thị Nga